

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

Công ty Cổ phần khoáng sản Hòa Bình

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, Thành phố Hòa
Bình, Tỉnh Hòa Bình

Điện thoại:

Email: khoangsanhoabinh@gmail.com

Website: www.khb.com.vn

KHB
KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

- 1 THÔNG TIN CHUNG
- 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- 3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- 4 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CTY
- 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin
Khái quát

Các rủi ro

Định hướng
Phát triển

Mô hình
quản trị
Và bộ máy
quản lí

Quá trình
Phát triển

Lịch sử
hình thành
và phát triển



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Giấy CNĐKKD : Số 5400227011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 11/09/2015.

Vốn điều lệ : 290.755.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu đồng)

Địa chỉ : Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Số điện thoại

Website : www.khsd.com.vn

Mã cổ phiếu : **KHB**





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

1963

Thành lập năm 1963,
tiền thân là Xí nghiệp
than Kim Bôi

1987 - 1992

- Năm 1987 đổi tên thành Xí nghiệp Phân lân Hòa Bình
- Năm 1992, Xí nghiệp có tên gọi Xí nghiệp Khai khoáng – Cung ứng vật tư xây dựng Công nghiệp Hòa Bình

1994

Năm 1994 UBND tỉnh Hòa Bình có Quyết định sáp nhập với 2 Xí nghiệp khác và lấy tên là Công ty cung ứng Vật tư Khoáng sản Hòa Bình.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

2003

Ngày 31/10/2003 Công ty được Nhà nước giao cho tập thể người lao động theo quyết định số 1887/QĐ-UB của UBND tỉnh Hòa Bình.

Ngày 23/12/2003 Công ty chính thức mang tên Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình

2009

Năm 2009 Công ty đã vinh dự nhận cúp vàng "Doanh nghiệp hội nhập và phát triển" dành cho những Doanh nghiệp tiêu biểu, có thành tích trong kinh doanh và quản trị xuất sắc trong quá trình hội nhập

2010

Ngày 19/05/2010, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK Hà Nội.

Ngày 16/09/2010, Công ty được cấp GCN đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 673/UBCK-GCN của UBCKNN



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

❖ **Ngành nghề kinh doanh**

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác, thu gom than;
- Khai thác quặng kim loại;
- Sản xuất kim loại;
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim như gạch, vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi, thạch cao,...;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (giao thông, thủy lợi);
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng; lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước và hệ thống xây dựng khác;
- Bán ô tô, xe có động cơ, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ;
- Bán buôn bán lẻ: Than đá và nhiên liệu rắn khác; gạch ngói xây, đá, cát, sỏi;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Vận tải đường thủy nội địa;

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

❖ Các chủng loại sản phẩm



Các sản phẩm từ quặng đá Talc

- ✓ Dạng quặng nguyên khai
- ✓ Bột đá từ mịn đến siêu mịn, kích cỡ từ 1 – 30 μ ;
- ✓ Đá trang trí, đá xẻ, ốp lát.



Thị trường tiêu thụ

Cung cấp làm nguyên liệu đầu vào cho ngành vật liệu xây dựng, giấy, dược phẩm, mỹ phẩm, gạch,... thị trường trong nước và xuất khẩu Nhật và Hàn Quốc, Trung Quốc.



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

❖ Các chủng loại sản phẩm



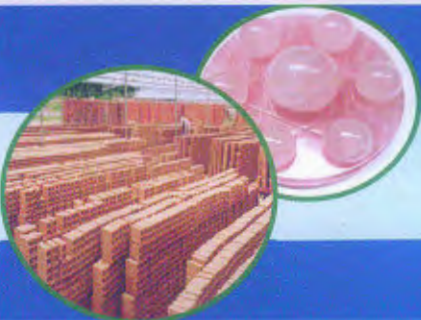
Các sản phẩm từ đá trắng CaCO_3

- ✓ Bột CaCO_3 siêu mịn kích cỡ từ 1-30 μ ; CaCO_3 mịn từ 30-70 μ ;
- ✓ Đá khối; đá viên;
- ✓ Đá xẻ tấm;



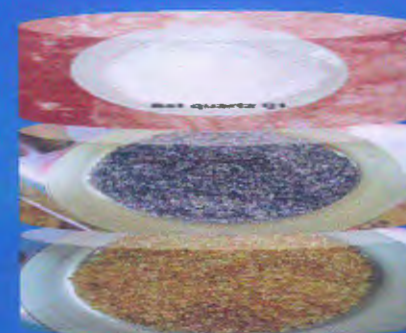
Thị trường tiêu thụ

Dùng làm nguyên liệu cho ngành vật liệu xây dựng, cao su, nhựa, ngành sơn, bột bả cho xây dựng dân dụng và xây dựng công nghiệp; nguyên liệu để sản xuất gốm, sứ, thủy tinh cao cấp và phục vụ làm ống nhựa kỹ thuật cho ngành viễn thông và điện lực;



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

❖ Các chủng loại sản phẩm



Bột Silic với kích cỡ từ 40μ đến 70μ
và kích thước hạt từ 0.5cm đến 2cm.



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Các chủng loại sản phẩm

Các sản phẩm từ quặng Than

Than cám loại 4 và loại 5;

Thị trường tiêu thụ:

Phục vụ làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện trong nước, phân bón, phụ gia cho xi măng,...

Các sản phẩm từ quặng Đolômit

Sản phẩm sau khai thác và chế biến:
Đolômit mịn, kích cỡ từ 70 - 75 μ

Thị trường tiêu thụ:

- Phục vụ cho ngành công nghiệp sản xuất gốm sứ, kính thủy tinh, luyện thép,...





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

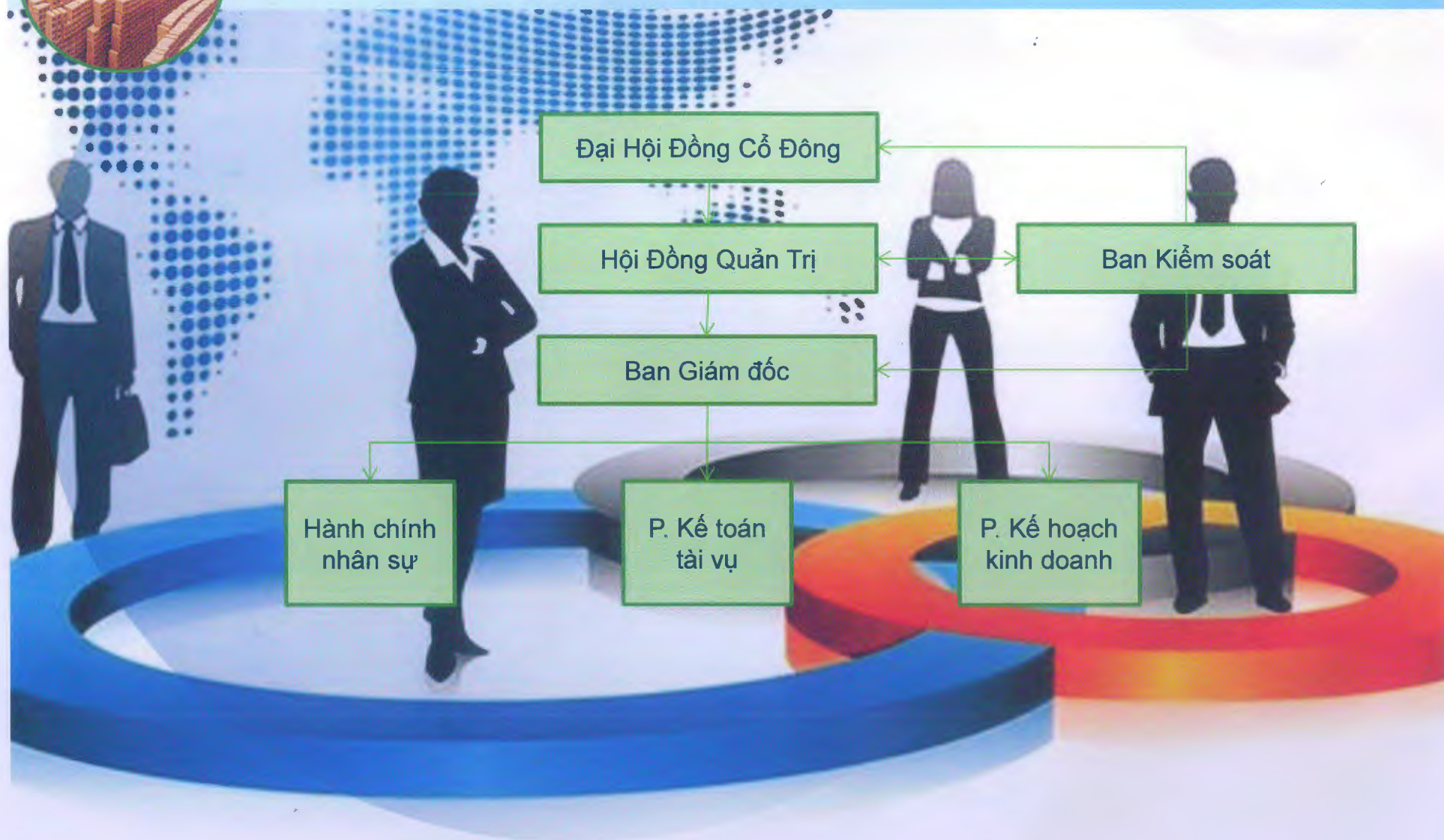
Công ty hoạt động và quản trị theo mô hình công ty cổ phần với cơ cấu như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ họp mỗi năm ít nhất 1 lần nhằm quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty Quy định
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- **Ban kiểm soát:** Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.
- **Ban Giám đốc:** Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.
- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.
- Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để nghiên cứu các sản phẩm mới.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Theo mục tiêu chiến lược giai đoạn từ 2016 đến 2020 công ty sẽ trở thành một công ty chuyên cung cấp các sản phẩm khoáng sản chế biến tinh và sâu hàng đầu Việt Nam, đưa hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển đa ngành và tiến tới trở thành doanh nghiệp lớn.



CÁC RỦI RO

❖ Rủi ro về kinh tế

Nhu cầu sử dụng nguyên liệu khoáng sản trong sản xuất của nhiều ngành công nghiệp như công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp nhiệt điện, công nghiệp chế tạo máy, công nghiệp luyện kim ... chịu ảnh hưởng từ những biến động tăng hoặc giảm của tốc độ phát triển kinh tế trên nhiều quy mô khác nhau. Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở trong nước nên bất kỳ sự biến động nào của tình hình kinh tế trong nước cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Lạm phát và giá cả.

Giá cả nguyên vật liệu biến động thất thường, khó dự đoán dẫn đến chi phí đầu vào cao. Trong cơ cấu vốn để tài trợ cho các dự án cũng như phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn có yếu tố vay nợ nên bất kỳ sự thay đổi nào của lãi suất trên thị trường cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Biến động giá chứng khoán

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết, giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng lớn từ biến động chung của thị trường chứng khoán, biến động trên các thị trường liên quan như vàng, ngoại tệ, chịu ảnh hưởng từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan quản lý có liên quan như Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch, ... Do vậy, cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có khả năng biến động lớn, từ đó có thể ảnh hưởng đến các kế hoạch huy động vốn và làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.



CÁC RỦI RO

❖ Rủi ro về môi trường

Ngành công nghiệp khoáng sản phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai tác tận thu khoáng sản ... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Ngoài ra thiên tai như bão lụt, hạn hán cũng có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng khai thác khoáng sản.

❖ Rủi ro khác

Là một nhân tố trong tổng thể chung của nền kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro bất khả kháng như rủi ro hòa loạn thiên tai, dịch họa ... Những rủi ro này có thể xảy ra và gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Rủi ro về Pháp luật

Các Công ty trong ngành chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế, về tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo tác động liên quan đến MT và XH





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Năm 2015	Tỷ lệ giữa năm 2016/2015
Doanh thu	67.356.645.455	79.415.337.562	85%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	1.454.823.246	3.515.318.458	51%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.678.850.036	1.332.224.685	126%
Lợi nhuận trước thuế	6.614.015	2.151.375.876	0,31%
Lợi nhuận sau thuế	-54.465.702	1.661.286.314	-

❖ **Đánh giá chung:**

Nhìn chung kết quả kinh doanh của Công ty năm 2016 giảm so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2016 bị lỗ và giảm so với cùng kỳ năm trước 1.715.752.016 đồng. Nguyên nhân là do trong năm Chúng tôi thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi và chi phí dự phòng đầu tư tài chính.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu nhân sự của HĐQT, BKS năm 2016

❖ Hội đồng Quản trị Công ty gồm 05 thành viên do bà Phạm Thị Hinh làm Chủ tịch, cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	1.118.000	4,23%
2	Trần Anh Tú	Thành viên HĐQT	10.000	0,03%
3	Lâm Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	0	0
4	Phùng Thị Kim Anh	Thành viên HĐQT	10.000	0,03%
5	Tạ Quang Mạnh	Thành viên HĐQT	10.000	0,03%

❖ Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Thị Hải Yến	Trưởng Ban kiểm soát	0	0
2	Nguyễn Đình Trường	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
3	Vũ Thị Chung	Thành viên Ban kiểm soát	0	0



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ nhân viên

Tổng số lượng cán bộ nhân viên của công ty đến ngày 31/12/2016 gồm: 10 người

Chính sách đối với người lao động

Chính sách đào tạo

- ✓ Đối với lao động trực tiếp: đào tạo tại chỗ trong quá trình làm việc để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng và sản phẩm. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- ✓ Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Chính sách lương

- ✓ Lương bình quân người lao động 4.100.000 đồng/ tháng

Chính sách thưởng

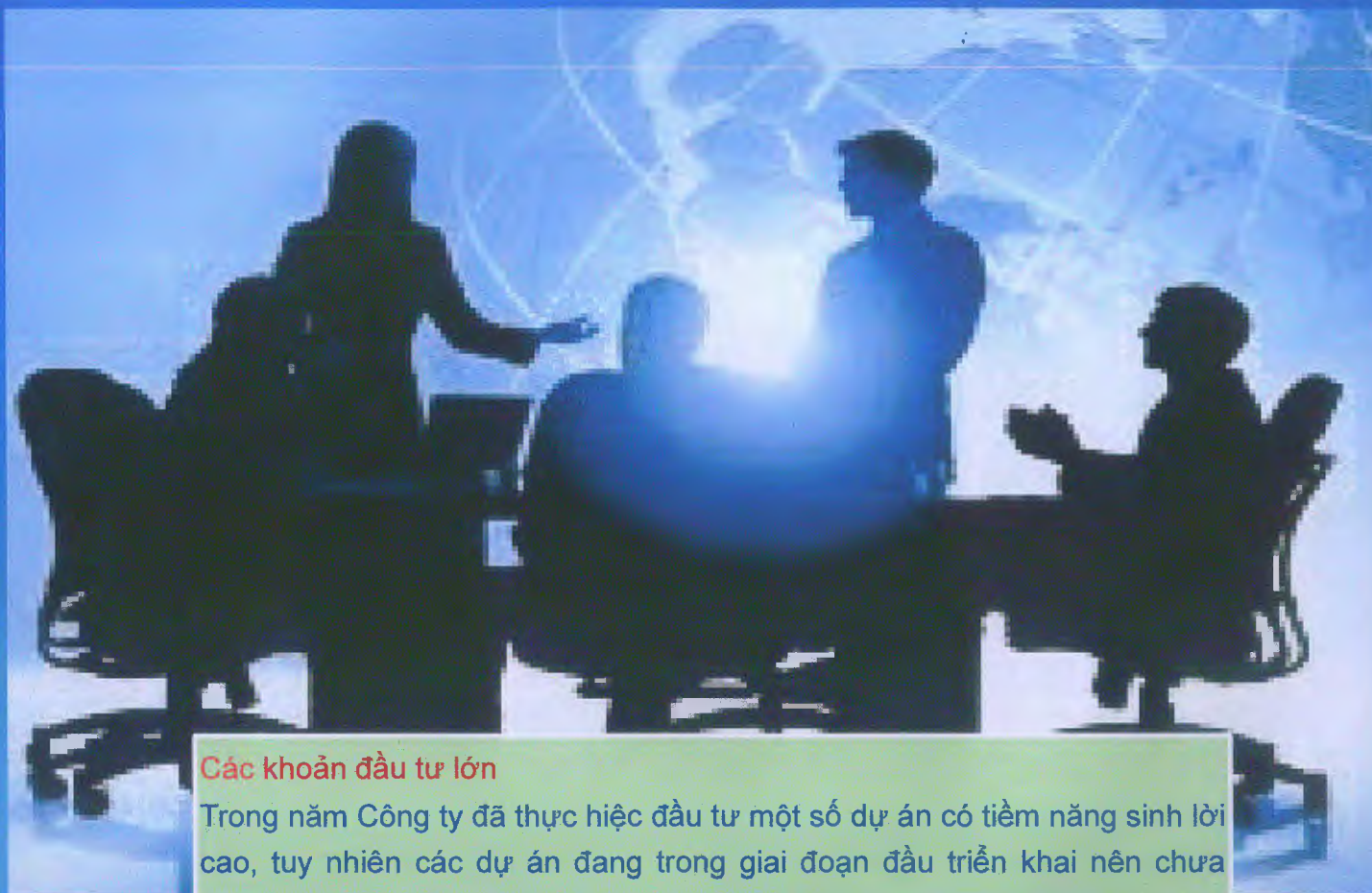
- ✓ Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty có chủ trương khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc.

Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động

Thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định đối với người lao động (các loại hình bảo hiểm, bảo hộ lao động, ốm đau, thai sản)



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN



Các khoản đầu tư lớn

Trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư một số dự án có tiềm năng sinh lời cao, tuy nhiên các dự án đang trong giai đoạn đầu triển khai nên chưa mang lại lợi nhuận cao

Các Công ty con, công ty liên kết: Không có



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT cùng sự nỗ lực của tập thể Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV, trong năm 2016 Công ty đã thực hiện và đạt một số kết quả như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ 2016/2015
1	Tổng tài sản	Đồng	353.249.139.661	359.908.746.638	101,86%
2	Tài sản ngắn hạn	Đồng	93.273.215.754	102.574.482.777	109,97%
3	Nợ phải trả	Đồng	57.817.742.178	64.531.814.857	111,61%
4	Vốn chủ sở hữu	Đồng	295.431.397.483	295.376.931.781	99,98%
5	Doanh thu	Đồng	79.415.337.562	67.356.645.455	85%
6	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	2.151.375.876	6.614.015	0,31%
7	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.661.286.314	-54.465.702	-



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,163	1,590	
+ Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ – Hàng tồn kho – TSNH khác Nợ ngắn hạn	1,322	1,259	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,164	0,179	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,196	0,218	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	4,528	3,494	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,199	0,225	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,021	-	
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	0,056	-	
+ Hệ số LSTN/Tổng tài sản bình quân	0,0047	-	
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,0281	-	



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 29.075.499 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 29.075.499 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông: Tại thời điểm 17/03/2017

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I.	Cổ đông trong nước	770	27.584.899	94,873%
	Tổ chức	03	470	0,002%
	Cá nhân	767	27.584.429	94,871%
II.	Cổ đông nước ngoài	11	1.490.600	5,127%
	Tổ chức	03	1.185.400	4,077%
	Cá nhân	08	305.200	1,050%
	Tổng cộng	780	29.075.499	

Danh sách cổ đông cổ đông lớn của Công ty

STT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Lê Hải Đoàn	2.262.500	7,78%	
	Tổng	2.262.500	7,78%	



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2016, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2016, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình không tiến hành mua, bán cổ phiếu quỹ

Các chứng khoán khác

Trong năm 2016, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình không tiến hành phát hành các loại chứng khoán khác



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Không có
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.: Không có

Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Do công ty chủ yếu hoạt động thương mại nên lượng nước chỉ sử dụng phục vụ cho văn phòng.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Chính sách liên quan đến người lao động

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và hạnh phúc của người lao động
- Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



1

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



2

Tình hình tài chính



3

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý



4

Kế hoạch, phương hướng của HĐQT năm 2017

5

Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán



6

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và XH





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Tình hình Hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ % so với năm 2015
1	Doanh thu	Đồng	79.415.337.562	67.356.645.455	84,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	2.151.375.876	6.614.015	0,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.661.286.314	-54.465.702	-

Những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi và chi phí dự phòng đầu tư tài chính nên lợi nhuận của Công ty giảm so với cùng kỳ năm trước.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

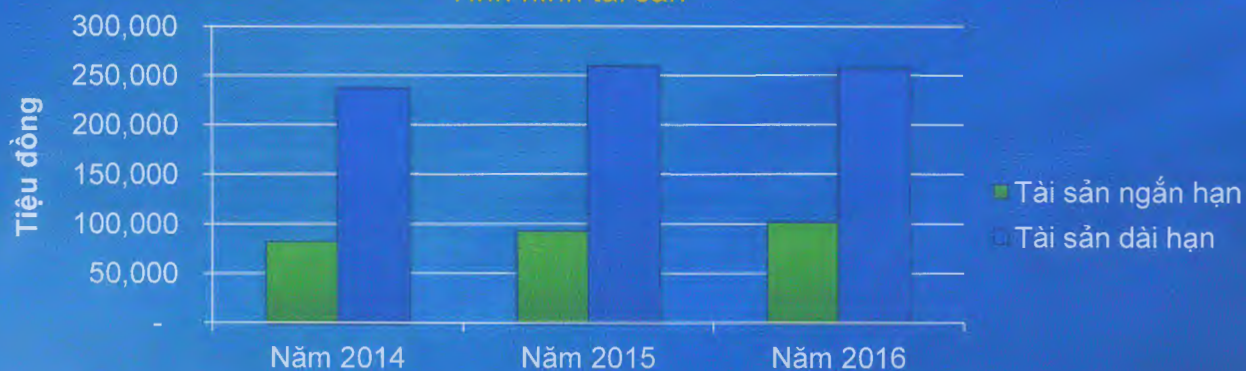
Báo cáo của Ban giám đốc về tình hình tài sản

❖ Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ năm 2016/2015 (%)
Tài sản ngắn hạn	82.379	93.273	102.574	110%
Tài sản dài hạn	237.099	259.976	257.334	99%
Tổng tài sản	319.478	353.249	359.908	102%

Tình hình tài sản



Tổng tài sản của Công ty năm 2016 đạt 359 tỷ, đạt 102% so với cùng kỳ năm 2015. Tài sản ngắn hạn tăng 10% và tài sản dài hạn giảm 1% so với năm 2015.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

❖ Tình hình công nợ của Công ty

✓ Các khoản nợ phải thu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
I.	Phải thu ngắn hạn	76.209	83.372
1	Phải thu của khách hàng	35.399	62.512
2	Trả trước cho người bán	262.413	85
3	Các khoản phải thu khác	1.247	1.260
4	Phải thu về cho vay ngắn hạn	39.300	20.000
II.	Phải thu dài hạn	150.000	150.000
Tổng các khoản phải thu		226.209	233.372

✓ Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
I.	Nợ ngắn hạn	57.817	64.531
1	Phải trả người bán ngắn hạn	48.655	45.578
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.309	6.251
3	Chi phí phải trả ngắn hạn	471	630
4	Phải trả ngắn hạn khác	305	275
5	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.974	11.695
6	Quỹ khen thưởng phúc lợi	103	102
II.	Phải thu dài hạn	0	0
Tổng cộng		57.817	64.531



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

❖ Về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý điều hành:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác giao khoán cho các Phòng ban, các đội sản xuất để nâng cao tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công nhân tại các đơn vị sản xuất, nâng cao năng suất lao động.
- Nâng mức thu nhập và tiếp tục cải thiện đời sống cho CBCNV Công ty tạo cho người lao động tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp
- Tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý chặt chẽ chi phí thi công, nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện máy móc thiết bị để giảm chi phí sản xuất

❖ Các biện pháp kiểm soát:

- Từng thành viên trong Ban Giám đốc được phân công chỉ đạo trực tiếp các công trình thi công nhằm xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình hoạt động.
- Phòng Kỹ thuật kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các dự án theo từng tháng, quý kịp thời tháo gỡ những khó khăn để đảm bảo tiến độ thi công Phối hợp với phòng Tài chính – kế toán để lập dự toán thi công, dự toán giao khoán, giám sát quy trình thi công, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, hướng dẫn lập hồ sơ thanh toán, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình và lập dự toán giao khoán, kiểm soát quá trình ứng và thanh quyết toán các dự toán giao khoán, hướng dẫn tập hợp chi phí, hóa đơn chứng từ theo luật định





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	KH năm 2017
1	Doanh thu	Đồng	67.356.645.455	150.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	6.614.015	5.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	-54.465.702	

Hội đồng quản trị xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm mang tính chất quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty trong thời kỳ nền kinh tế mở cửa và có nhiều biến động. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả Quản trị doanh nghiệp, đáp ứng kỳ vọng của các cổ đông đồng thời thu hút và tạo động lực cho người lao động phát huy tài năng nhiệt huyết đóng góp cho sự phát triển công ty một cách bền vững là ưu tiên lớn nhất của công ty.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Biện pháp tổ chức thực hiện

- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty.
- HĐQT và Ban điều hành tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và những năm tiếp theo.
- Ban điều hành kiên quyết khắc phục những hạn chế của mình đã nêu trong phần đánh giá của HĐQT về hoạt động điều hành năm 2016





GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, đơn vị kiểm toán có đưa ra ý kiến ngoại trừ như sau:

- “Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31/12/2016, do đó, chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm và cuối năm. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về số lượng hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2016 và 01/01/2016, với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán lần lượt là 18.863.600.420 đồng và 16.763.750.917 đồng

Giải trình của Công ty: Tại thời điểm 01/01/2016 và 31/12/2016, Công ty đều thực hiện kiểm kê hàng tồn kho và đã cung cấp cho đơn vị kiểm toán biên bản kiểm kê hàng tồn kho.

- “Báo cáo tài chính của các Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt, Công ty CP VFI Việt Nam, Công ty CP Đầu tư PT VDI Việt Nam, Công ty CP Khai thác và Chế biến KS Yên Bái là các Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết điều chỉnh tổn thất của các khoản đầu tư này (nếu có) hay không”.

Giải trình của Công ty: Các đối tác của Chúng tôi là Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt, Công ty CP VFI Việt Nam, Công ty CP Đầu tư PT VDI Việt Nam, Công ty CP Khai thác và Chế biến KS Yên Bái không phải là công ty đại chúng, do đó các công ty này không thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm.

- “Chúng tôi đã không thể thu nhập được thông tin tài chính một cách đáng tin cậy về doanh thu, chi phí và lợi nhuận của các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai và Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính của Công ty hay không”

Giải trình của Công ty: Tại thời điểm Công ty Chúng tôi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm thì đối tác của Chúng tôi là Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai và Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh chưa ra báo cáo tài chính năm. Công ty nhận định rằng, đây là các đối tác có uy tín nên các khoản đầu tư này sẽ đem lại hiệu quả



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

“Trong năm 2016 Công ty chưa ghi nhận đủ chi phí dự phòng phải thu khó đòi (khoảng 6,8 tỷ đồng), chi phí dự phòng đầu tư tài chính và Công ty Cổ phần đá Split 2,3 tỷ đồng, chi phí khấu hao tài sản cố định khoảng 524 triệu đồng của những tài sản cố định không tham gia phục vụ sản xuất kinh doanh vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Nếu ghi nhận đầy đủ thì chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” sẽ giảm khoảng 9,6 tỷ đồng”.

Giải trình của Công ty: Đây là công nợ của các đối tác đã có quan hệ lâu năm với công ty, các đối tác vẫn có hoạt động kinh doanh bình thường nên Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu trên. Về việc chưa ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định (524 triệu đồng) của những tài sản cố định không tham gia phục vụ sản xuất kinh doanh, Chúng tôi sẽ khắc phục vấn đề này trong kỳ tiếp theo.

- *“Hiện tại chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu, giá vốn bán hàng của Công ty như giấy chứng nhận xuất xứ, chứng nhận kiểm định chất lượng, phiếu cân, ...”.*

Giải trình của Công ty: Do hoạt động kinh doanh trong năm của Chúng tôi chủ yếu là thương mại mua, bán hàng hóa thương mại với các đối tác đã có mối quan hệ lâu dài với Công ty.

- *“Công ty đã cấp cho Ông Lê Hữu Lộc – Giám đốc khoản vay mà chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông là chưa tuân thủ quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị áp dụng cho Công ty đại chúng”.*

Giải trình của Công ty: Chúng tôi đã thực hiện thu hồi một phần khoản vay này.

“Trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đang phản ánh số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2016 đối với Công ty Cổ phần Mỏ và Khoáng sản Miền trung ô tô tiền hơn 6,3 tỷ đồng”.

Giải trình của Công ty: Đây là khoản phải trả của hợp đồng mua, bán hàng hóa thương mại của Công ty với Công ty Cổ phần Mỏ và Khoáng sản Miền Trung trong năm 2014.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI



Đánh giá liên quan đến các tiêu chí môi trường: Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, việc sử dụng năng lượng trong sản xuất là không thể tránh khỏi, tuy nhiên trong năm 2017 Công ty sẽ có những chính sách phù hợp, khuyến khích việc sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Tiếp tục có chính sách khuyến khích người lao động như: tạo thu nhập ổn định, đào tạo nghề lâu dài cũng như đảm bảo các chế độ chính sách theo quy định của nhà nước.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã và đang tiếp tục đồng hành cùng địa phương trong vấn đề an sinh xã hội.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ!

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các mặt hoạt động của Công ty

- Các thành viên HĐQT trong năm qua đã tích cực hoạt động, HĐQT đã thảo luận, thông qua các Nghị quyết và ban hành các quyết định về những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, kịp thời đưa ra những biện pháp ứng phó với tình hình biến động của tổ chức, thị trường và định hướng hoạt động phù hợp.

Hoạt động của Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình đánh giá trong năm 2015, Ban giám đốc đã thực hiện đúng chức trách và quyền hạn của mình trong việc điều hành Công ty theo điều lệ quy định, ban Giám đốc đã cùng với cán bộ quản lý khác có nhiều nỗ lực thực hiện tốt kế hoạch SXKD của Công ty



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch và định hướng

- Tăng cường khai thác ở các mỏ để đảm bảo ổn định đơn hàng, ổn định nguồn vật tư, khai thác triệt để năng lực sản xuất để có sản lượng cao nhất
- Tăng cường sản lượng, tích cực bố trí lại đội ngũ công nhân sản xuất qua đó đẩy mạnh việc tăng năng suất lao động toàn công ty.
- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư năm 2017 được Đại hội Đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị phê duyệt đúng tiến độ, chất lượng và các quy định pháp luật.
- Xác định nguồn vốn chủ đạo cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, do đó tập trung chỉ đạo tốt công tác khai thác và chú trọng vào sản phẩm đã qua chế biến.
- Quản lý và sử dụng tốt nguồn vốn chủ sở hữu, bảo đảm cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, bảo toàn và phát triển vốn



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

- Số lượng thành viên hội đồng quản trị: 05 thành viên
- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có
- Hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị theo cơ chế tập trung dân chủ tuân thủ pháp luật, điều lệ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện chức trách nhiệm vụ theo quy chế hoạt động hiện hành.
- Năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty ban hành 05 Nghị quyết, kết quả giám sát cho thấy Ban Giám đốc đã thực hiện đúng quyền và nhiệm vụ của mình như quy định tại điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/2016/ NQ-HĐQT/KHB	20/01/2016	Phiên họp định kỳ Quý I/2016
2	08/2016/NQ-HĐQT/KHB	14/04/2016	Đề cử ứng viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2014-2019.
3	09/2016/NQ-HĐQT/KHB	22//04/2016	Phiên họp định kỳ Quý II/2016
4	15.07/2016/NQ-HĐQT/KHB	14/07/2016	Phiên họp định kỳ Quý III/2016
5	15.10/2016/NQ-HĐQT/KHB	15/10/2016	Phiên họp định kỳ Quý IV/2016

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Hiện nay các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị chưa có
- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có
- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

QUẢN TRỊ CÔNG TY



Ban kiểm soát

➤ *Thành viên Ban kiểm soát*

Ban kiểm soát có 03 thành viên, trong đó Trưởng Ban kiểm soát là thành viên bên ngoài công ty

➤ *Hoạt động của Ban kiểm soát*

Trong năm Ban kiểm soát tập trung kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và ban điều hành công ty về việc chấp hành pháp luật, điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị về chế độ thu chi tài chính, chính sách người lao động, các định mức chi phí trong sản xuất kinh doanh và cá hoạt động liên quan khác... Ngoài ra các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên dự họp định kỳ và đột xuất thông tin góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty những công việc liên quan đến lãnh đạo, quản lý điều hành công ty trên các lĩnh vực.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Lâm Hoàng Giang	TV HĐQT	10.000	0,03%	0	0%	Bán
02	Nguyễn Đình Trường	TV BKS	20		0	0%	Bán
03	Công ty CP Phương Trung	Tổ chức có liên quan	1.100.000	3,78%	0	0%	Bán





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (các bên liên quan)

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai	Cùng thành viên chủ chốt	Trả tiền mua hàng	13.535.098.500
2	Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	Công ty đầu tư góp vốn	Bán hàng Thu tiền bán hàng Mua hàng Trả tiền mua hàng	8.166.866.400 4.939.450.000 12.395.581.836 11.774.122.536
3	Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu	Cùng thành viên chủ chốt	Bán hàng Thu tiền bán hàng Mua hàng Trả tiền mua hàng	41.467.423.316 41.467.423.316 7.966.654.300 1.500.000.000
4	Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận	Cùng thành viên chủ chốt	Trả tiền mua hàng	2.8000.000.000



QUẢN TRỊ CÔNG TY



Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

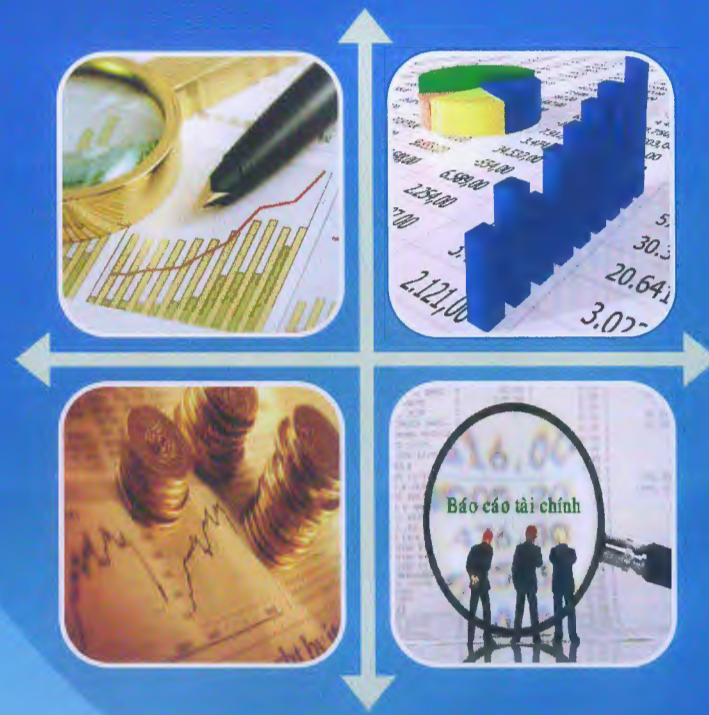
Là công ty đại chúng, Hội đồng quản trị nhận thức sâu sắc trọng trách của mình, năm 2016 tiếp tục cải tiến phương thức lãnh đạo quản lý nhằm mục tiêu đưa mọi hoạt động công ty ngày một minh bạch và hiệu quả hơn. Hội đồng quản trị tập trung vào một số nội dung trọng tâm như:

- Điều chỉnh quy chế hoạt động công ty theo những thông lệ tốt nhất, phù hợp quy định pháp luật và điều lệ công ty.
- Phân công trách nhiệm quyền hạn rõ ràng từ cấp cao đến cấp thấp, đưa hệ thống quản lý điều hành công ty ngày một chặt chẽ, hiệu quả minh bạch, nâng cao trách nhiệm và sự năng động sáng tạo cho người lao động



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2016

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016: Xin vui lòng xem tài liệu đính kèm



Hòa Bình, ngày 17 tháng 04 năm 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

CHỦ TỊCH HĐQT

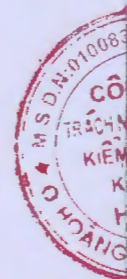
PHẠM THỊ HINH



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Hòa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Khoáng sản Hòa Bình là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2503000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Thống Nhất, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015 là 290.755.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 29.075.500 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh quặng sắt, vật liệu xây dựng.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Bà Phạm Thị Hình	Chủ tịch
Ông Tạ Quang Mạnh	Thành viên
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên
Ông Trần Anh Tú	Thành viên
Bà Phùng Thị Kim Anh	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Lê Hữu Lộc	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 17/03/2016
Bà Phạm Thị Hải Yến	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 17/03/2016
Bà Vũ Thị Chung	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Trường	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, TP Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2016.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Thị Hinh

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Lê Hữu Lộc



Số: 132 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Hòa Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình, được lập ngày 30/03/2017, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31/12/2016, do đó, chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm và cuối năm. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về số lượng hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2016 và 01/01/2016, với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán lần lượt là 18.863.600.420 đồng và 16.763.750.917 đồng.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của các Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt, Công ty Cổ phần VFI Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VDI Việt Nam, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái là các Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết điều chỉnh tổn thất của các khoản đầu tư này (nếu có) hay không.

Chúng tôi đã không thể thu thập được thông tin tài chính một cách đáng tin cậy về doanh thu, chi phí và lợi nhuận của các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình với Công ty Cổ phần khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai và Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính của Công ty hay không.

Trong năm 2016 Công ty chưa ghi nhận đủ chi phí dự phòng phải thu khó đòi (khoảng 6,8 tỷ đồng), chi phí dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần đá Spilit khoảng 2,3 tỷ đồng, chi phí khấu hao tài sản cố định khoảng

524 triệu đồng của những tài sản cố định không tham gia phục vụ sản xuất kinh doanh vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Nếu ghi nhận đầy đủ thì chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” sẽ giảm khoảng 9,6 tỷ đồng.

Hiện tại chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ chứng từ liên quan đến việc ghi nhận doanh thu, giá vốn hàng bán của Công ty như giấy chứng nhận xuất xứ, chứng nhận kiểm định chất lượng, phiếu cân, ...

Công ty đã cấp cho Ông Lê Hữu Lộc - Giám đốc khoản vay mà chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông là chưa tuân thủ quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị áp dụng cho Công ty đại chúng.

Trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đang phản ánh số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2016 đối với Công ty Cổ phần Mỏ và Khoáng sản Miền Trung số tiền hơn 6,3 tỷ đồng.

Ý kiến của kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và Báo cáo kiểm toán được phát hành dưới dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



[Handwritten signature]

LÊ VĂN DÒ

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0231-2013-016-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

BÙI QUANG HỢP

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 1796-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.574.482.777	93.273.215.754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		190.035.311	197.733.484
1. Tiền	111	V.01	190.035.311	197.733.484
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.372.398.359	76.208.836.632
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	62.512.603.558	35.399.504.378
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		85.597.999	262.413.254
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	20.000.000.000	39.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.260.918.999	1.246.919.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(486.722.197)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	18.863.600.420	16.763.750.917
1. Hàng tồn kho	141		18.863.600.420	16.763.750.917
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		148.448.687	102.894.721
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		148.448.687	102.894.721
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		257.334.263.861	259.975.923.907
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150.000.000.000	150.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	150.000.000.000	150.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		7.024.142.072	8.115.802.118
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	7.024.142.072	8.115.802.118
- Nguyên giá	222		18.143.985.128	18.143.985.128
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.119.843.056)	(10.028.183.010)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		360.121.789	360.121.789
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		360.121.789	360.121.789
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	99.950.000.000	101.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		86.500.000.000	86.500.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.550.000.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		359.908.746.638	353.249.139.661

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

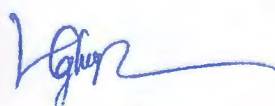
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		64.531.814.857	57.817.742.178
I. Nợ ngắn hạn	310		64.531.814.857	57.817.742.178
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	45.578.290.350	48.654.616.388
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	6.250.648.578	6.309.568.861
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	629.595.000	470.876.000
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	275.022.223	305.022.223
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	11.695.380.000	1.974.380.000
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		102.878.706	103.278.706
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		295.376.931.781	295.431.397.483
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	295.376.931.781	295.431.397.483
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		290.755.000.000	290.755.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		290.755.000.000	290.755.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.106.364	4.106.364
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.591.850.090	1.591.850.090
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.025.975.327	3.080.441.029
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.080.441.029	1.419.154.715
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(54.465.702)	1.661.286.314
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		359.908.746.638	353.249.139.661

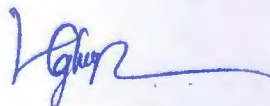
Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



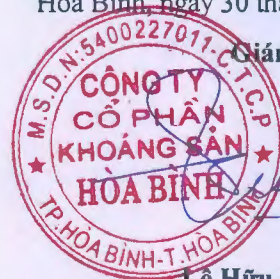
Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017



Giám đốc

Lê Hữu Lộc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

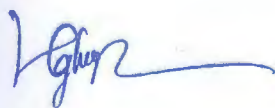
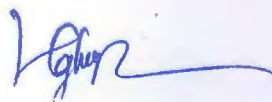
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.01	67.356.645.455	79.415.337.562
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		67.356.645.455	79.415.337.562
4. Giá vốn hàng bán	11	V.02	65.901.822.209	75.900.019.104
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.454.823.246	3.515.318.458
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	2.354.135.285	430.996.393
7. Chi phí tài chính	22	V.04	1.648.719.000	197.438.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		98.719.000	197.438.000
8. Chi phí bán hàng	25		175.990.910	188.924.718
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.05	1.678.850.036	1.332.224.685
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		305.398.585	2.227.727.448
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	V.06	298.784.570	76.351.572
13. Lợi nhuận khác	40		(298.784.570)	(76.351.572)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.614.015	2.151.375.876
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.07	61.079.717	490.089.562
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(54.465.702)	1.661.286.314
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.08	(2)	63
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.08	(1)	63

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Thị Tuyết

Nguyễn Thị Tuyết

Lê Hữu Lộc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

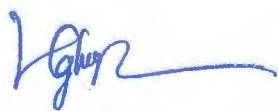
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và	01	46.979.210.816	76.916.820.082
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch	02	(77.547.244.275)	(39.357.674.011)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(636.400.000)	(793.660.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(200.000.000)	(450.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	330.000.000	28.982.671.998
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(330.400.000)	(631.650.234)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(31.404.833.459)	64.666.507.835
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn	23	-	(39.300.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	19.300.000.000	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(150.000.000.000)	(26.387.250.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	150.000.000.000	1.774.500.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được c	27	2.376.135.286	8.996.393
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	21.676.135.286	(63.903.753.607)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	29.285.000.000	7.969.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(19.564.000.000)	(8.619.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.721.000.000	(650.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.698.173)	112.754.228
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	197.733.484	84.979.256
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	190.035.311	197.733.484

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017

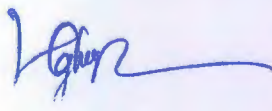
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Tuyết



Nguyễn Thị Tuyết



Lê Hữu Lộc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Khoáng sản Hòa Bình là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2503000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Thống Nhất, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015 là 290.755.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 29.075.500 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Hoạt động dịch vụ khai thác mỏ và quặng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu ; sản xuất gạch, vôi, đá xẻ, cắt tạo dáng, hoàn thiện đá xẻ, sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, khai thác quặng sắt, đá, cát sỏi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa;
- Phá dỡ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm; quặng kim loại màu (trừ quặng urani và quặng thorium). Khai thác và thu gom than cứng ; sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác ; giao thông, thủy lợi;
- Bán buôn bán lẻ: than đá, nhiên liệu rắn khác, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Làm đại lý, môi giới, đấu giá.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân theo tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, sửa chữa tài sản cố định, cấp chứng chỉ. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng quy định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Trong kỳ, Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng
1. Tiền	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	81.230.508	118.273.802
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	108.804.803	79.459.682
Cộng	190.035.311	197.733.484

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

2.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

2.1.1 Dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt - tỷ lệ sở hữu 25%	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
b) Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Đá Split - tỷ lệ sở hữu 3,1% (*)	5.000.000.000	1.550.000.000	5.000.000.000	-
Công ty CP VFI Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 17,9%	22.000.000.000	-	22.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư PT VDI Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 14,67%	34.000.000.000	-	34.000.000.000	-
Công ty CP Khai thác và Chế biến KS Yên Bái - tỷ lệ sở hữu 9,96%	25.500.000.000	-	25.500.000.000	-

(i) Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31/12/2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31/12/2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Đá Split được tính theo giá thị trường tại ngày 31/12/2016.

3. Phải thu khách hàng

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
- Công ty CP Khai thác & Chế biến Khoáng sản Yên Bái	27.128.833.984	23.901.417.584
- Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	8.375.668.400	8.375.668.400
- Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế - XD - KT - TM Phú Hoà	23.043.735.000	-
- Phải thu của khách hàng khác	3.964.366.174	3.122.418.394
Cộng	62.512.603.558	35.399.504.378

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

- Công ty CP Khai thác & Chế biến Khoáng sản Yên Bái	27.128.833.984	23.901.417.584
--	----------------	----------------

4. Phải thu về cho vay

		31/12/2016		01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	20.000.000.000	-	39.300.000.000	-
+ Ông Lê Hữu Lộc (*)	20.000.000.000	-	39.300.000.000	-
Cộng	20.000.000.000		39.300.000.000	

(*) Số dư cuối kỳ số tiền cho vay của Hợp đồng số 07/2015/HĐKT ngày 31/12/2015. Theo hợp đồng nêu trên, số tiền cho vay là 23,8 tỷ đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất cho vay là 8%/năm, tài sản thế chấp là 6.840.000 cổ phần của Công ty Cổ phần VFI Việt Nam mà ông Lộc sở hữu.

5. Phải thu khác

		31/12/2016		01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	1.260.918.999	-	1.246.919.000	-
- Phải thu khác	399.999.999	-	422.000.000	-
+ <i>Phải thu về lãi cho vay</i>	399.999.999	-	422.000.000	-
- Tạm ứng	860.919.000	-	824.919.000	-
<i>b) Dài hạn</i>	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-
Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai ⁽¹⁾	85.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh ⁽²⁾	65.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Vĩnh Thịnh	-	-	150.000.000.000	-

(1) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 3/12/2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình cùng góp vốn mỗi bên 50% tương đương 35 tỷ đồng để mua lại nhà máy gạch Tuynel, mỏ sét của Công ty TNHH Bình Minh 1 tại Đắc Lắc và đầu tư thêm 01 dây chuyền sản xuất gạch tuynel mới; đồng thời cải tiến nâng cấp dây chuyền sản xuất cũ thành dây chuyền sản xuất tiết kiệm nguyên nhiên liệu, thời gian hợp tác kinh doanh là 10 năm từ ngày dây chuyền sản xuất gạch tuynel cũ được phục hồi đưa vào sản xuất lại, lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

(1) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét nung ngày 3/12/2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình thỏa thuận mỗi bên góp 50% tương đương 50 tỷ đồng để đầu tư mới 02 dây chuyền sản xuất gạch tuynel có công suất 90 triệu viên/năm, thời gian hợp tác kinh doanh là 10 năm từ ngày dây chuyền sản xuất gạch tuynel mới được đầu tư hoàn chỉnh, lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

(2) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh sơn nước và vật liệu sơn ngày 21/03/2016 giữa Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình thỏa thuận mỗi bên góp 65 tỷ đồng để đầu tư mới 02 dây chuyền sản xuất sơn nước các loại và vật liệu sơn tại tỉnh Hòa Bình, Gia Lai đồng thời mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh tại nhà máy của Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh, thời gian hợp tác 03 năm từ ngày dây chuyền sản xuất sơn nước các loại vật liệu sơn đầu tiên được đầu tư hoàn chỉnh, lợi nhuận chia cho các bên là 50%-50%.

6. Nợ xấu

		31/12/2016		01/01/2016
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</i>				
+ Công ty cổ phần ĐTTM XNK Hùng Vương	973.444.394	486.722.197	973.444.394	973.444.394
Cộng	973.444.394	486.722.197	973.444.394	973.444.394

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	137.436.777	-	137.436.777	-
Công cụ, dụng cụ	6.158.181	-	6.158.181	-
Chi phí SX kinh doanh dở dang	3.383.483.976	-	2.858.557.824	-
Thành phẩm	495.207.119	-	513.310.768	-
Hàng hóa	14.841.314.367	-	13.248.287.367	-
Cộng	18.863.600.420	-	16.763.750.917	-

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu kỳ	14.085.403.105	3.488.251.560	570.330.463	18.143.985.128
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	14.085.403.105	3.488.251.560	570.330.463	18.143.985.128
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	6.138.368.952	3.319.483.595	570.330.463	10.028.183.010
Số tăng trong kỳ	922.892.081	168.767.965	-	1.091.660.046
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	922.892.081	168.767.965	-	1.091.660.046
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.061.261.033	3.488.251.560	570.330.463	11.119.843.056
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	7.947.034.153	168.767.965	-	8.115.802.118
Tại ngày cuối kỳ	7.024.142.072	-	-	7.024.142.072

9. Phải trả người bán ngắn hạn

a) Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
- Công ty CP mỏ và XNK KS Miền Trung	6.307.831.266	6.307.831.266
- Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng D.E.M	-	16.706.132.168
- Công ty CP CN Khoáng sản Bình Thuận	6.866.823.584	9.666.823.584
- Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu XD Gia Lai	-	13.535.098.500
- Công ty CP Kinh doanh Thương mại quốc tế	18.270.560.000	-
- Công ty CP Khoáng sản Luyện Kim Màu	6.466.654.300	-
- Công ty CP Khai thác & chế biến khoáng sản Yên Bái	1.682.970.300	1.061.511.000
- Khách hàng khác	5.983.450.900	1.377.219.870
Cộng	45.578.290.350	48.654.616.388

b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

- Công ty CP CN Khoáng sản Bình Thuận	6.866.823.584	9.666.823.584
- Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu XD Gia Lai	-	13.535.098.500
- Công ty CP Khoáng sản Luyện Kim Màu	6.466.654.300	-
- Công ty CP Khai thác & chế biến khoáng sản Yên Bái	1.682.970.300	1.061.511.000

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2016
Phải nộp nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.219.728.284	180.000.000	100.000.000	1.299.728.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.571.804.565	61.079.717	200.000.000	3.432.884.282
Thuế thu nhập cá nhân	164.068.364	-	-	164.068.364
Thuế tài nguyên	1.241.245.159	-	-	1.241.245.159
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	112.722.489	3.000.000	3.000.000	112.722.489
Cộng	6.309.568.861	244.079.717	303.000.000	6.250.648.578

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Chi phí phải trả

Ngắn hạn

Trích trước chi phí kiểm toán

Trích trước chi phí lãi vay

Cộng

	31/12/2016	01/01/2016
Trích trước chi phí kiểm toán	130.000.000	70.000.000
Trích trước chi phí lãi vay	499.595.000	400.876.000
Cộng	629.595.000	470.876.000

12. Phải trả khác

Ngắn hạn

Kinh phí công đoàn

Bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm y tế

Bảo hiểm thất nghiệp

Các khoản phải trả, phải nộp khác

Cộng

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	123.553.655	153.553.655
Bảo hiểm y tế	35.608.793	35.608.793
Bảo hiểm thất nghiệp	23.919.077	23.919.077
Các khoản phải trả, phải nộp khác	91.940.698	91.940.698
Cộng	275.022.223	305.022.223

13. Vay và nợ thuế tài chính

	Giá trị	31/12/2016 Số có khả năng trả nợ	Tăng	Trong năm Giảm	Giá trị	01/01/2016 Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	11.695.380.000	11.695.380.000	29.285.000.000	19.564.000.000	1.974.380.000	1.974.380.000
- NH TMCP Quân đội ⁽¹⁾	1.974.380.000	1.974.380.000	-	-	1.974.380.000	1.974.380.000
- Bà Phạm Thị Hinh ⁽²⁾	9.721.000.000	9.721.000.000	29.285.000.000	19.564.000.000	-	-

⁽¹⁾ Hợp đồng vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội số 56.12.003.1133890.TD, hạn mức tín dụng là 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất thả nổi.

⁽²⁾ Hợp đồng vay Bà Phạm Thị Hinh số 1605/2016/HĐVV ngày 16/5/2016, thời hạn vay 12 tháng.

14. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	262.700.000.000	28.059.106.364		3.011.004.805	293.770.111.169
Tăng vốn năm trước	28.055.000.000	-	-	1.661.286.314	29.716.286.314
- Phát hành thêm cổ phiếu	28.055.000.000	-	-		28.055.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	1.661.286.314	1.661.286.314
Giảm vốn năm trước	-	28.055.000.000	-	-	28.055.000.000
- Giảm khác	-	28.055.000.000	-	-	28.055.000.000
Số dư cuối năm trước	290.755.000.000	4.106.364	-	4.672.291.119	295.431.397.483
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	(54.465.702)	(54.465.702)
- Lãi trong kỳ	-	-	-	(54.465.702)	(54.465.702)
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	290.755.000.000	4.106.364	-	4.617.825.417	295.376.931.781

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
- Vốn góp của các cổ đông	290.755.000.000	290.755.000.000
Cộng	290.755.000.000	290.755.000.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	290.755.000.000	262.700.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	28.055.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	290.755.000.000	290.755.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.075.500	29.075.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.075.500	29.075.500
- Cổ phiếu phổ thông	29.075.500	29.075.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.075.500	29.075.500
- Cổ phiếu phổ thông	29.075.500	29.075.500

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Đơn vị tính: đồng Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	67.356.645.455	79.415.337.562
Cộng	67.356.645.455	79.415.337.562

Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan:

Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	7.424.424.000	32.747.138.713
Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu	37.697.657.560	14.346.142.940

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	65.901.822.209	75.900.019.104
Cộng	65.901.822.209	75.900.019.104

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.354.135.285	430.996.393
Cộng	2.354.135.285	430.996.393

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	98.719.000	197.438.000
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	1.550.000.000	-
Cộng	1.648.719.000	197.438.000

05. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	175.990.910	188.924.718
Chi phí nhân công	175.990.910	188.924.718
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	1.678.850.036	1.332.224.685
Chi phí nhân công	492.000.000	492.200.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	467.949.324	467.949.324
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	486.722.197	-
Chi phí khác	232.178.515	372.075.361

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Khấu hao TSCĐ không sử dụng	98.784.570	76.303.950
Chi phí phạt hành chính	200.000.000	-
Chi phí khác	-	47.622
Cộng	298.784.570	76.351.572

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
a) Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.614.015	2.151.375.876
b) Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	298.784.570	76.303.950
- Các khoản không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế	298.784.570	76.303.950
c) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	-	-
d) Lợi nhuận tính thuế	305.398.585	2.227.679.826
d) Thuế TNDN	61.079.717	490.089.562

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(54.465.702)	1.661.286.314
b) Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(54.465.702)	1.661.286.314
c) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông	-	-
d) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	29.075.500	26.270.000
e) Số cổ phiếu dự kiến phát hành trong tương lai (**)	20.000.000	-
f) Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	(2)	63
g) Lãi suy giảm trên cổ phiếu(*)	(1)	63

(*) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay là số tạm tính do chưa có quyết định trích quỹ khen thưởng phúc lợi của đại hội đồng cổ đông

(**) Theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ/KHB ngày 20/04/2016, Công ty dự kiến phát hành thêm 200.000.000.000 đồng tương ứng 20.000.000 cổ phần.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

T	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai	Cùng thành viên chủ chốt	Trả tiền mua hàng	13.535.098.500
2	Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	Công ty đầu tư góp vốn	Bán hàng Thu tiền bán hàng Mua hàng Trả tiền mua hàng	8.166.866.400 4.939.450.000 12.395.581.836 11.774.122.536
3	Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu	Cùng thành viên chủ chốt	Bán hàng Thu tiền bán hàng Mua hàng Trả tiền mua hàng	41.467.423.316 41.467.423.316 7.966.654.300 1.500.000.000
4	Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận	Cùng thành viên chủ chốt	Trả tiền mua hàng	2.800.000.000

3. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty trong năm là bán hàng thương mại trong các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh nên không có báo cáo bộ phận được trình bày.

4. Thông tin khác

Công ty đang bị cục thuế Hòa Bình áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

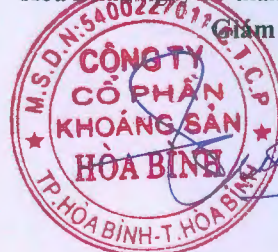
Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2017



Giám đốc

Lê Hữu Lộc